

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

**Đinh Ngọc Đông¹,
Nguyễn Bá Phú^{2,+}**

¹Trường Trung học cơ sở Cao Bá Quát, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

²Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế

+ Tác giả liên hệ • Email: nguyenbaphu@dhsphue.edu.vn

Article History

Received: 22/5/2020

Accepted: 30/6/2020

Published: 05/8/2020

Keywords

school violence, prevention
of school violence, secondary
school students.

ABSTRACT

School violence is a problem that seriously affects the psychology and health of students as well as educational outcomes of the school and the safety of family and society. The paper presents the situation of modernization prevention education in Cu Jut district, Dak Nong province. The survey results are considered a basis for studying appropriate measures to combat this negative phenomenon at secondary schools in the district.

1. Mở đầu

Bạo lực học đường (BLHD) là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xuua đuổi và các hành vi cố ý khác gây tổn hại về thể chất, tinh thần của người học xảy ra trong cơ sở giáo dục hoặc lớp học lập (Chính phủ, 2017). Đây được coi một vấn nạn của ngành Giáo dục cũng như của xã hội hiện nay, thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học với các nghiên cứu của Phan Mai Hương (2009) về mối quan hệ giữa các yếu tố môi trường xã hội với BLHD; Nguyễn Văn Lược (2009) tìm hiểu nguyên nhân và một số biện pháp hạn chế BLHD; Trần Thị Minh Đức (2010) với hành vi gây hấn phân tích từ góc độ tâm lý học xã hội; Đặng Hoàng Minh và Trần Thành Nam (2011) phân tích con đường hình thành và cách tiếp cận đánh giá hành vi bạo lực ở thanh thiếu niên... Chính phủ và ngành Giáo dục cũng có các văn bản chỉ đạo xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống BLHD (Chính phủ, 2017); Bộ GD-ĐT ban hành chương trình hành động và các giải pháp phòng, chống BLHD (Bộ GD-ĐT 2017, 2019), cho thấy mức độ quan trọng và cấp thiết của vấn đề.

Trong những năm qua, ngành Giáo dục huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông đã quan tâm và có nhiều cố gắng trong công tác giáo dục đạo đức cho học sinh (HS) nói chung cũng như công tác giáo dục phòng, chống BLHD nói riêng. Bên cạnh kết quả tích cực, công tác này vẫn còn những hạn chế nhất định, biểu hiện ở việc còn một số HS sống buông thả, có những hành vi vi phạm đạo đức, đặc biệt là hành vi BLHD, làm ảnh hưởng đến chất lượng GD-ĐT của nhà trường. Bài viết khảo sát thực trạng công tác giáo dục phòng, chống BLHD trong các trường THCS huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, chỉ ra những hạn chế để có những điều chỉnh phù hợp nhằm đẩy lùi hiện tượng tiêu cực này ở các trường THCS trên địa bàn khảo sát.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khách thể và phương pháp khảo sát

Khảo sát được tiến hành đối với 156 cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV) và 221 HS tại 5 trường THCS của huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông: Trường THCS Cao Bá Quát, xã ĐăkWil (xã biên giới); Trường THCS Phan Đình Phùng, xã Tâm Thắng (xã có khu công nghiệp); Trường THCS Nguyễn Công Trứ, xã Đăk Drông (xã vùng 2); Trường THCS Nguyễn Chí Thanh và Trường THCS Nguyễn Tất Thành đều ở xã Nam Dong (xã đạt nông thôn mới) (bảng 1). Thời gian khảo sát: từ tháng 12/2019 đến tháng 01/2020.

Bảng 1. Phân bố khách thể nghiên cứu

Cơ cấu		Trường					Tổng
		Nguyễn Công Trứ	Nguyễn Tất Thành	Cao Bá Quát	Phan Đình Phùng	Nguyễn Chí Thanh	
HS	Nam	25	19	21	19	18	102
	Nữ	26	25	23	21	24	119
	Lớp 6	10	12	9	10	8	49
							221

	Lớp 7	12	9	15	11	12	59	
	Lớp 8	13	10	12	12	8	55	
	Lớp 9	8	14	15	11	10	58	
CBQL	Hiệu trưởng	1	1	1	1	1	5	156
	Phó hiệu trưởng	2	2	2	2	2	10	
	Tổ trưởng chuyên môn	4	3	4	4	3	18	
	GV bộ môn	21	24	26	27	25	123	

Để khảo sát thực trạng hoạt động giáo dục phòng, chống BLHĐ cho HS, chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra là chủ yếu. Phiếu điều tra được thiết kế nhằm khảo sát các vấn đề chính: nội dung, hình thức, phương pháp và các lực lượng tham gia giáo dục phòng, chống BLHĐ cho HS. Mỗi nội dung bao gồm nhiều tiêu chí đánh giá, mỗi tiêu chí có 4 phương án để lựa chọn và được tính điểm theo quy ước 4 mức: 1 - 2 - 3 - 4 tương ứng với các mức độ thực hiện: “Không bao giờ”; “Ít khi”, “Thỉnh thoảng”, và “Thường xuyên”. Kết quả khảo sát được phân tích bằng phần mềm IBM SPSS Statistics 20. Chỉ số Cronbach alpha của thang đo bảng hỏi dành cho CBQL, GV là 0,81 và dành cho HS là 0,79. Điều này cho thấy, bộ công cụ sử dụng trong nghiên cứu của chúng tôi có độ tin cậy, đảm bảo sự chính xác cho các kết quả thu được.

2.2. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh về công tác giáo dục phòng, chống bạo lực học đường trong trường trung học cơ sở

Bảng 2. Thực trạng nhận thức của CBQL, GV và HS về công tác giáo dục phòng chống BLHĐ

TT	Mục đích	Mức độ đồng ý			
		CBQL, GV		HS	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Ngăn chặn GV và HS có những thái độ, hành vi sai lệch với chuẩn mực xã hội	3,29	0,66	3,30	0,61
2	Giữ cho môi trường giáo dục lành mạnh	3,11	0,75	3,05	0,78
3	Giúp HS có hành vi lệch chuẩn nhận thức được hành vi sai trái của mình, tự giác sửa chữa lỗi lầm	2,86	0,73	2,67	0,74
4	Góp phần cho HS thấy được tác hại của BLHĐ	3,60	0,49	3,21	0,49
5	Giúp HS có ý thức đấu tranh với những hành vi bạo lực	2,88	0,69	3,10	0,70
6	Hình thành cho HS thái độ bất bình với những hành động bạo lực	2,71	0,72	2,63	0,53
7	Góp phần tăng cường kỉ cương, kỉ luật trong trường học	3,20	0,54	3,19	0,54
8	Góp phần xây dựng niềm tin của phụ huynh, gia đình HS vào nhà trường	3,40	0,40	3,21	0,60
9	Tạo niềm tin cho xã hội về môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh	3,00	0,93	3,02	0,83

Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy, đa số CBQL, GV và HS đều có nhận đúng đắn về tầm quan trọng của công tác giáo dục phòng, chống BLHĐ cho HS trong các trường THCS (ĐTB dao động từ 2,63 đến 3,60). Trong đó, ý kiến cho rằng việc giáo dục phòng, chống BLHĐ “Góp phần cho HS thấy được tác hại của BLHĐ” được CBQL, GV đánh giá cao nhất (ĐTB = 3,60 - gần tiệm cận với mức hoàn toàn đồng ý và ĐLC = 0,49); thứ hai là “Góp phần xây dựng niềm tin của phụ huynh, gia đình HS vào nhà trường” (ĐTB = 3,40, ĐLC = 0,40); thứ ba, “Ngăn chặn GV và HS có những thái độ, hành vi sai lệch với chuẩn mực xã hội” (ĐTB = 3,29, ĐLC = 0,66),... Tiêu chí được hai nhóm khách thể đánh giá thấp nhất là “Hình thành cho HS thái độ bất bình với những hành động bạo lực” (ĐTB của CBQL, GV là 2,71 và HS là 2,63). Điều này có phần cho thấy sự hoài nghi của CBQL, GV và HS về vai trò này. Thực tế, hình thành cho HS thái độ bất bình với những hành động BLHĐ là điều không phải dễ dàng và một sớm một chiều có được, đòi hỏi sự kiên trì, thường xuyên và liên tục. Chính vì vậy CBQL, GV và HS còn phân vân là điều dễ hiểu. Trao đổi trực tiếp, thầy giáo Đ.N.Đ, CBQL Trường THCS Cao Bá Quát cho rằng “Nhận thức đúng là điều kiện đầu tiên nhưng chưa đủ để HS có những thay đổi trong hành động của bản thân. Tình trạng HS vô cảm trước hành vi bạo lực vẫn xảy ra, điều này đã được phản ánh nhiều trên các phương tiện thông tin. Do vậy, nhà trường cần quan tâm hơn để hình thành cho các em thái độ bất bình, biết lên án đối với hành vi bạo lực. Đây mới là động lực để các em thay đổi hành động của mình”.

So sánh về nhận thức của CBQL, GV và HS có sự khác biệt khá đáng kể, một số tiêu chí được CBQL, GV đánh giá cao hơn HS và ngược lại. Sự khác biệt về vị trí, vai trò, trình độ nhận thức và đặc điểm tâm lí là những lí do để giải thích cho sự khác biệt này.

2.3. Thực trạng hoạt động giáo dục phòng, chống bạo lực học đường ở các trường trung học cơ sở huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

2.3.1. Thực trạng thực hiện các nội dung giáo dục phòng, chống bạo lực học đường cho học sinh

Bảng 3. Thực trạng thực hiện các nội dung giáo dục phòng chống BLHD cho HS

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			
		CBQL, GV		HS	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Nhận diện được các biểu hiện và nguyên nhân của hành vi BLHD	2,70	0,49	2,48	0,47
2	Chuẩn bị cho HS sự sẵn sàng về tâm lí đấu tranh chống lại bạo lực và các biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn	2,67	0,68	2,55	0,70
3	Nâng cao nhận thức cho HS về nguy cơ và hậu quả của BLHD	3,19	0,51	2,89	0,42
4	Nhà trường giáo dục ý thức chấp hành nội quy trường, lớp	3,07	0,78	2,96	0,66
5	Nhà trường giáo dục ý thức chấp hành pháp luật	3,04	0,90	3,05	0,72
6	Việc đấu tranh với các biểu hiện có hành vi bạo lực trong và ngoài nhà trường	2,71	0,46	2,82	0,74
7	Nhắc nhở việc không mang hung khí, đồ chơi có tính kích động bạo lực, các chất gây nghiện đến trường, lớp	2,56	0,54	2,78	0,64
8	Các mâu thuẫn giữa các HS lẫn nhau không giải quyết được phải nhờ bạn bè, thầy cô giải quyết	2,38	0,54	2,17	0,62
9	Tuyên truyền xây dựng trường học thân thiện, HS tương thân tương ái	2,87	0,66	2,85	0,56

Kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy, các nội dung giáo dục cho HS khả năng phòng, chống BLHD được các nhà trường chú trọng nhưng chưa nhiều, chưa thực sự sâu sắc, chưa giúp HS hiểu hết được tác hại của BLHD, các mâu thuẫn đa số HS tự giải quyết là chính, HS chưa có kĩ năng để nhận diện BLHD (những nội dung này có ĐTB thuộc nhóm thấp trong các tiêu chí khảo sát, ĐTB từ 2,17 đến 2,70). Nhà trường mới chỉ chú trọng đến việc giáo dục ý thức chấp hành pháp luật (ĐTB = 3,04), ý thức chấp hành nội quy trường lớp (ĐTB = 3,07), nhưng còn có nhiều ý kiến trái chiều, được thể hiện thông qua độ lệch chuẩn khá lớn. Thực trạng này một lần nữa được khẳng định qua phỏng vấn sâu, tiêu biểu là ý kiến của cô giáo L.T.T.A, Trường THCS Phan Đình Phùng: “Nhà trường chưa thực sự chú trọng các nội dung giáo dục phòng, chống BLHD cho HS một cách chuyên biệt, mà những nội dung này thường lồng ghép trong các môn học và các hoạt động ngoại khóa. Do vậy, nội dung giáo dục chưa thực sự sâu sắc và toàn diện”.

Như vậy, các nhà trường đã thực hiện các nội dung giáo dục phòng, chống BLHD cho HS nhưng chưa được thường xuyên và toàn diện. Do đó, những nội dung giáo dục vẫn chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu, đòi hỏi về nhận thức, về thông tin phòng chống BLHD mà HS mong muốn, vì vậy sẽ chưa đủ để đạt hiệu quả cao trong công tác giáo dục phòng, chống BLHD cho HS. Thiết nghĩ, để tổ chức tốt việc giáo dục phòng, chống BLHD cho HS, nhà trường không chỉ chú trọng vào một vài nội dung hoạt động riêng lẻ mà cần phải biết mở rộng, kết hợp các nội dung khác nhau với các hình thức hoạt động phong phú, như vậy chắc chắn sẽ có tác động tích cực đến nhận thức của HS và việc hạn chế, bài trừ bạo lực ra khỏi học đường sẽ trở nên hiệu quả hơn.

2.3.2. Thực trạng sử dụng các phương pháp giáo dục phòng chống bạo lực học đường cho học sinh

Bảng 4. Thực trạng về sử dụng các phương pháp giáo dục phòng chống BLHD cho HS

TT	Phương pháp	Mức độ thực hiện			
		CBQL, GV		HS	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Giảng giải cho HS nhận thức những hành vi xử sự đúng sai khi xảy ra va chạm, mâu thuẫn	2,84	0,73	2,75	0,64
2	Đàm thoại trực tiếp giữa GV và HS, giữa HS với HS khi xảy ra mâu thuẫn	3,10	0,51	2,89	0,52
3	Kể những tấm gương tốt về hành vi phòng, chống BLHD	2,81	0,53	2,83	0,53
4	Cho HS đóng vai giải quyết tình huống mâu thuẫn thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp	2,53	0,62	2,24	0,62

5	Cho HS suy tâm và kể một số tình huống mâu thuẫn trong cuộc sống, để các em tự rút ra bài học cho mình	2,29	0,46	2,13	0,76
6	Sân khấu hóa tuyên truyền về hành vi BLHD	2,54	0,81	2,60	0,71
7	Có những hình thức kỉ luật nghiêm khắc với HS vi phạm	3,21	0,86	2,85	0,76
8	Khen thưởng, biểu dương những tập thể và cá nhân làm tốt việc phòng chống BLHD	2,89	0,78	2,76	0,71

Kết quả khảo sát ở *bảng 4* cho thấy, các nhà trường đã sử dụng khá đa dạng các phương pháp giáo dục phòng, chống BLHD cho HS. Nhưng trên bình diện chung, mức độ sử dụng các phương pháp này ở các trường mới chỉ tiếp cận với mức độ thỉnh thoảng, chưa được thường xuyên, duy chỉ có phương pháp “Kỉ luật nghiêm khắc với HS vi phạm” được thực hiện thường xuyên nhất, song cũng chưa có sự đồng bộ phản ánh qua điểm trung bình và độ lệch chuẩn của tiêu chí này khá lớn (ĐTB = 3,21; ĐLC = 0,86). Chúng tôi cho rằng, kỉ luật, răn đe để giáo dục cho HS là cần thiết, là một trong những cách thức tác động trực tiếp, có tính chất mạnh mẽ để thay đổi hành vi ở HS. Tuy nhiên, đây cũng là phương pháp giáo dục đòi hỏi sự khéo léo, tinh tế và đầy nghệ thuật ở nhà giáo dục, nếu không sẽ dễ gây ra sự phản giáo dục, thậm chí còn liên lụy về mặt pháp luật.

Trong công tác giáo dục nói chung, giáo dục phòng chống BLHD nói riêng, giáo dục cho HS sự tự giác thực hiện - tự giáo dục là đích đến của quá trình giáo dục nhằm đạt được mục tiêu giáo dục. Tuy nhiên, tại các trường THCS được khảo sát, đây là phương pháp được CBQL, GV và HS sử dụng ít nhất, biểu hiện ở việc “cho HS đóng vai trong các tình huống có mâu thuẫn để các em tự giải quyết” hay “cho HS suy tâm và kể một số tình huống mâu thuẫn trong cuộc sống để các em tự rút ra bài học cho mình”, các thầy cô đã chú trọng những vẫn có lúc, có nơi chưa thực hiện nhiều (ĐTB của CBQL, GV là 2,29 và HS là 2,13). Như vậy, trong công tác này, các nhà trường cần chú ý để các em tự ý thức chủ động, tham gia nhiều hơn vào quá trình giáo dục phòng chống BLHD. Từ là đối tượng của quá trình giáo dục phòng chống BLHD, các em trở thành chủ thể của quá trình đó. Bên cạnh đó, nhà trường cũng cần chú trọng đến công tác “khen thưởng những tập thể và cá nhân làm tốt việc phòng chống BLHD”, nhằm động viên các em tham gia hơn nữa vào quá trình giáo dục phòng chống BLHD trong nhà trường.

2.3.3. Thực trạng sử dụng các hình thức tổ chức giáo dục phòng chống bạo lực học đường cho học sinh

Bảng 5. Thực trạng sử dụng các hình thức tổ chức giáo dục phòng chống BLHD cho HS

TT	Hình thức	Mức độ thực hiện			
		CBQL, GV		HS	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Thông qua tiết dạy trên lớp, nhất là môn Giáo dục công dân	2,81	0,57	3,19	0,65
2	Thông qua sinh hoạt lớp, sinh hoạt dưới cờ	2,76	1,03	3,01	0,73
3	Thông qua cha mẹ HS	2,15	0,62	2,74	0,61
4	Thông qua đăng kí tự rèn luyện bản thân	1,99	0,43	2,20	0,44
5	Thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp (văn nghệ, thể dục thể thao, cắm trại)	2,55	0,66	2,76	0,56
6	Thông qua tấm gương đạo đức của chính thầy cô giáo	2,79	0,29	2,83	0,50
7	Thông qua đàm thoại với tổ tư vấn học đường	1,80	0,40	2,19	0,49
8	Thông qua giáo dục kĩ năng sống	2,54	0,88	2,61	0,69

Kết quả khảo sát ở *bảng 5* cho thấy, nhà trường đã sử dụng đa dạng các hình thức tổ chức giáo dục phòng, chống BLHD cho HS nhưng đa số mức độ thực hiện gần như chỉ ở mức thỉnh thoảng. Nổi trội và phổ biến hơn cả là hình thức “thông qua tiết dạy trên lớp, nhất là môn Giáo dục công dân” nhưng được CBQL, GV đánh giá với tần suất tiệm cận mức độ thỉnh thoảng (ĐTB = 2,81), còn được HS đánh giá ở mức thường xuyên (ĐTB = 3,19). Qua bảng số liệu, chúng tôi cũng nhận thấy, hình thức giáo dục “thông qua sinh hoạt lớp, sinh hoạt dưới cờ” dù giữa CBQL và HS có đánh giá khác nhau nhưng vẫn xoay quanh và sát với mức độ thỉnh thoảng; có những trường thực hiện tốt, có những trường thực hiện chưa được tốt thể hiện độ lệch chuẩn lớn (ĐLC = 1,03). Qua đây cũng cho thấy, hình thức “đăng kí tự rèn luyện bản thân” hay “thông qua đàm thoại với tổ tư vấn học đường”, đều được cán bộ GV và HS tham gia khảo sát đánh giá ở mức ít khi tổ chức hoặc rất ít khi tổ chức (ĐTB lần lượt cho 2 hình thức này của CBQL, GV là 1,99; 1,80 và của HS là 2,20; 2,19). Kết quả này cho thấy, các nhà trường tổ chức giáo dục phòng chống BLHD cho HS chưa thực sự chú trọng đến hình thức tự rèn luyện của HS và tổ tư vấn học đường chưa phát huy được hiệu quả trong công tác này.

2.3.4. Thực trạng các lực lượng tham gia giáo dục phòng chống bạo lực học đường cho học sinh

Bảng 6. Thực trạng các lực lượng tham gia giáo dục phòng chống BLHD cho HS

TT	Các lực lượng	Mức độ thực hiện			
		CBQL, GV		HS	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Ban Giám hiệu nhà trường	2,70	0,49	2,83	0,59
2	Các đoàn thể chính trị	2,83	0,53	2,89	0,54
3	Các tổ trưởng chuyên môn	1,63	0,57	2,02	0,76
4	GV chủ nhiệm	3,30	0,51	3,29	0,72
5	GV bộ môn	2,20	0,47	2,38	0,37
6	Tổng phụ trách đội	3,01	0,80	3,25	0,60
7	Tổ tư vấn học đường	2,39	0,68	1,99	0,51

Bảng 6 cho thấy: Sự đánh giá giữa hai nhóm khách thể khảo sát (CBQL, GV và HS) có điểm trung bình khá tương đồng trong nhận định về các lực lượng tham gia giáo dục phòng, chống BLHD cho HS trong các trường THCS. Trong đó, “GV chủ nhiệm”; Tổng phụ trách đội” được đánh giá tích cực nhất, có điểm trung bình cao nhất (CBQL, GV có ĐTB lần lượt là 3,30; 3,29 và HS có ĐTB lần lượt là 3,29; 3,25). Ngược lại, “Các tổ trưởng chuyên môn” được CBQL, GV và HS đánh giá thấp nhất (1,63 và 2,20); điều này rất phù hợp với thực tế, bởi đội ngũ này chỉ gián tiếp tiếp xúc với HS nên rất ít khi tham gia giáo dục phòng chống BLHD. Sự hoạt động của tổ tư vấn học đường được CBQL, GV đánh giá ở mức độ đôi khi (2,39), nhưng HS đánh giá rất ít khi (1,99). Điều này cũng có thể hiểu sự tham gia của các lực lượng này còn nặng tính hình thức nên HS chưa thấy được hiệu quả thiết thực.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát công tác giáo dục phòng, chống BLHD ở các trường THCS huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông cho thấy, công tác này được hầu hết các trường triển khai thực hiện. Bước đầu, đội ngũ CBQL, GV và HS đã nhận thức đúng về tầm quan trọng của công tác này trong nhà trường và chú trọng thực hiện nhưng nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức chưa thực sự đa dạng, mức độ thực hiện chưa thường xuyên, chưa có sự vào cuộc đồng bộ của các lực lượng trong nhà trường nên chưa đáp ứng được với đòi hỏi của thực tiễn. Để khắc phục những hạn chế này, nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức HS nói chung và công tác giáo dục phòng, chống BLHD nói riêng ở các trường THCS huyện Cư Jút, trước hết đòi hỏi phải có sự chuyển biến tích cực về nhận thức trong đội ngũ những người làm công tác giáo dục đạo đức HS. Bên cạnh đó, cần có sự đổi mới căn bản về công tác tổ chức hoạt động giáo dục phòng, chống BLHD, sự phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong việc giáo dục và quản lý giáo dục đối với hoạt động này.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2017). *Quyết định số 5886/QĐ-BGDĐT ngày 28/2/2017 Ban hành chương trình hành động phòng, chống bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên giai đoạn 2017-2021.*
- Bộ GD-ĐT (2019). *Chỉ thị số 993/CT-BGDĐT ngày 12/4/2019 về việc tăng cường giải pháp phòng, chống bạo lực học đường trong cơ sở giáo dục.*
- Chính phủ (2017). *Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.*
- Đặng Hoàng Minh, Trần Thành Nam (2011). *Hành vi bạo lực ở thanh thiếu niên - Con đường hình thành và cách tiếp cận đánh giá.* Tạp chí Tâm lý học, (12), tr 22-26.
- Nguyễn Thanh Huyền (2019). *Giáo dục phòng, chống bắt nạt học đường cho học sinh các trường trung học cơ sở.* Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt kì 2 tháng 5, tr 115-120.
- Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Thu Hà (2019). *Một số nghiên cứu về mối quan hệ giữa các yếu tố môi trường xã hội với bạo lực học đường.* Tạp chí Giáo dục, số 448, tr 26-31.
- Nguyễn Văn Lược (2009). *Bạo lực học đường: Nguyên nhân và một số biện pháp hạn chế.* Kì yếu hội thảo khoa học toàn quốc “Nhà trường Việt Nam trong một nền giáo dục tiên tiến, mang đậm bản sắc dân tộc”, tr 9-20.
- Phan Mai Hương (2009). *Thực trạng bạo lực học đường hiện nay.* Kì yếu hội thảo khoa học quốc tế “Nhu cầu, định hướng đào tạo tâm lý học đường tại Việt Nam”, tr 28-33.
- Trần Thị Minh Đức (2010). *Hành vi gây hấn phân tích từ góc độ tâm lý học xã hội.* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.